

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
16



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.PTS. Trần Ngọc Hiền	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hội	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
TẬP 16
(THÁNG CHÍN 1864 - THÁNG BẢY 1870)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1994

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 16 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong khoảng thời gian từ tháng Chín 1864 đến tháng Bảy 1870, từ khi Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế thứ nhất) được thành lập cho đến khi chiến tranh Pháp - Phổ 1870 - 1871 bắt đầu.

Trong lịch sử của phong trào công nhân quốc tế và của chủ nghĩa Mác, thời kỳ này được đánh dấu bằng những hoạt động lý luận và thực tiễn vô cùng phong phú, nổi bật và đặc biệt quan trọng của hai nhà kinh điển. Chính trong thời gian này, C.Mác đã phác thảo xong bộ Tư bản và cho xuất bản tập I của tác phẩm quan trọng này. Để đảm bảo tính hoàn chỉnh của bộ Tư bản, các tập I, II, III của nó và tác phẩm "Các học thuyết về giá trị thặng dư" (được coi là tập IV) sẽ được xuất bản liên tục từ tập 23 đến hết tập 26 của bộ Toàn tập này. Các tác phẩm được in trong tập 16 thể hiện hoạt động lý luận và thực tiễn của hai nhà kinh điển trong việc thành lập và củng cố tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp công nhân, đề ra chiến lược và sách lược cho phong trào công nhân trong thời kỳ đó cũng như hoạt động của hai ông trong việc chuẩn bị và cho xuất bản bộ Tư bản.

Tập này được dịch và dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen tập 16, do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1960. Ngoài phần chính văn chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 9 năm 1994

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

ADDRESS
AND
PROVISIONAL RULES
OF THE
WORKING MEN'S
INTERNATIONAL ASSOCIATION,

ESTABLISHED SEPTEMBER 28, 1864,

AT A PUBLIC MEETING HELD AT ST. MARTIN'S
HALL, LONG ACRE, LONDON.

PRICE ONE PENNY.

PRINTED AT THE "BEE-HIVE" NEWSPAPER OFFICE,
10, BOLT COURT, FLEET STREET.

1864.

ТИТУЛЬНЫЙ ЛИСТ ПЕРВОГО ИЗДАНИЯ
УЧРЕДИТЕЛЬНОГО МАНИФЕСТА И ВРЕМЕННОГО УСТАВА
МЕЖДУНАРОДНОГО ТОВАРИЩЕСТВА РАБОЧИХ

Bìa trong của lần xuất bản đầu tiên "Tuyên ngôn thành lập"
và "Điều lệ tạm thời của Hội liên hiệp công nhân quốc tế"

C.MÁC

**TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP
CÔNG NHÂN QUỐC TẾ**

thành lập ngày 28 tháng Chín 1864 tại hội nghị công khai ở hội trường X.Mác-tin, Loong-ây-cơ, ở Luân Đôn¹

Hỡi các công nhân!

Từ năm 1848 đến năm 1864, nạn nghèo đói của quần chúng công nhân không giảm bớt, - đó là một sự thật không thể chối cãi, thế nhưng về mặt phát triển của công nghiệp và thương nghiệp thì thời kỳ đó là thời kỳ có một không hai trong lịch sử. Năm 1850, một cơ quan báo chí ôn hoà thạo tin của giai cấp tư sản Anh đã nói trước rằng nếu nhập khẩu và xuất khẩu của Anh tăng 50% thì nạn khốn cùng ở nước này sẽ không còn nữa. Than ôi! Ngày 7 tháng Tư 1864, bộ trưởng tài chính đã làm cho thính giả của mình trong nghị viện vui mừng bằng lời tuyên bố rằng tổng kim ngạch nhập khẩu và xuất khẩu của Anh năm 1863 đã tăng lên "đến 433 955 000 p.xt.! Con số đáng kinh ngạc ấy gần như lớn gấp ba lần tổng số chu chuyển của thương nghiệp Anh ở thời kỳ năm 1843 mới đây!" Tuy thế, ông ta vẫn nói rất hùng hồn về "sự nghèo khổ". Ông ta kêu lên rằng: "Hãy nghĩ tới những người đang ở bên bờ vực của cảnh nghèo khổ", đến "tiền công... không tăng", đến "cuộc sống của con người... mà trong mười trường hợp thì đến hết chín trường hợp là phải đấu tranh để sinh tồn!"². Nhưng ông ta làm lơ không nói đến nhân dân Ai-rơ-len ở miền Bắc đang bị máy móc, còn ở miền Nam thì đang bị những đàn

cừ, loại dần ra, mặc dù ngay số cừ cũng đang giảm bớt trong cái đất nước bất hạnh đó, tuy là không giảm nhanh bằng số người. Ông ta không lặp lại những điều mà những đại biểu cao cấp của quý tộc vừa tiết lộ ra trong cơn hoảng sợ đột ngột. Khi sự kinh hoàng do "những kẻ bóp cổ"³ gây ra đạt tới một mức nhất định, thì Thượng nghị viện quyết định tiến hành điều tra tình hình phát vãng và lao động khổ sai và công bố những kết quả đã điều tra được dưới hình thức một bản báo cáo. Sự thật đã được vạch ra trên những trang của cuốn Sách xanh dày cộp năm 1863,⁴ và bằng những sự thật và những con số được xác nhận chính thức, người ta đã chứng minh rằng ở Anh và Xcốt-len những kẻ phạm tội hình nặng nhất - những kẻ lao động khổ sai - làm việc ít hơn nhiều và ăn uống tốt hơn nhiều so với những công nhân nông nghiệp Anh và Xcốt-len. Nhưng không phải chỉ có thế. Khi do cuộc Nội chiến ở Mỹ, công nhân Lan-kê-sia và Sê-sia bị đẩy ra ngoài đường phố, thì cũng Thượng nghị viện đó đã phái đến các khu công nghiệp một bác sĩ có trách nhiệm xác định số lượng các-bon và đạm tối thiểu, được cung cấp với một giá rẻ nhất và dưới một hình thức giản đơn nhất, trung bình vừa đủ để "ngăn ngừa được những bệnh tật do nạn đói gây ra", Bác sĩ Xmit, một nhà y tế có đủ thẩm quyền, đã xác định rằng 28 000 granh^{1*} các-bon và 1 330 granh đạm mỗi tuần là mức tối thiểu có thể duy trì đời sống của một người lớn hạng trung bình... mà nếu thấp hơn thì sẽ bị những bệnh tật do nạn đói gây ra; sau nữa, ông ta đã phát hiện rằng số lượng đó gần như hoàn toàn tương đương với số thức ăn ít ỏi mà trên thực tế, dưới ách thiếu thốn cùng cực, những công nhân các xưởng bông vải sợi bắt buộc phải bằng lòng¹). Nhưng xin hãy nghe tiếp! Cũng ông bác sĩ uyên bác ấy, sau đó một thời

1) Không cần phải nhắc bạn đọc rằng các-bon và đạm, cùng với nước và một số chất vô cơ khác, là nguyên liệu để làm thức ăn của con người. Nhưng muốn nuôi dưỡng cơ thể con người, những thành phần hoá học giản đơn ấy phải được cung cấp dưới dạng những chất thực vật hay động vật; ví dụ khoai tây chủ yếu bao hàm các-bon, còn bánh mì bao hàm các-bon và đạm với một tỷ lệ thích đáng.

1* Granh, đơn vị trọng lượng bằng 0,065gam.

gian, lại được viên thanh tra y tế của Hội đồng cơ mật phái đến điều tra sự ăn uống của bộ phận nghèo nhất trong giai cấp công nhân. Kết quả của cuộc điều tra của ông đã được trình bày trong bản "Báo cáo thứ sáu về tình hình sức khoẻ của dân cư" xuất bản năm nay theo lệnh của nghị viện⁵. Ông bác sĩ ấy đã phát hiện được điều gì? Đã phát hiện rằng ở những người dệt lụa, những nữ công nhân may mặc, những người làm gắng tay, những người dệt bít tất, v.v., trung bình^{1*} khẩu phần ăn còn tồi hơn cả khẩu phần ăn của những công nhân thất nghiệp ngành công nghiệp bông vải sợi, thậm chí cũng không có được số lượng các-bon và đạm "vừa đủ để ngăn ngừa những bệnh tật do nạn đói gây ra".

Chúng ta đọc thấy trong bản báo cáo: "Ngoài ra, khi điều tra những gia đình thuộc nhân khẩu nông nghiệp, chúng tôi đã thấy rằng hơn 1/5 những gia đình ấy không có được mức tối thiểu cần thiết về thức ăn chứa đựng các-bon, rằng hơn 1/3 những gia đình ấy không có được mức tối thiểu cần thiết về thức ăn chứa đựng đạm, và trong 3 tỉnh Béc-cơ-sia, Ốc-xphốt-sia và Xô-mơ-xét-sia, tình hình thiếu thức ăn chứa đựng đạm là một hiện tượng thông thường". Bản báo cáo chính thức còn bổ sung thêm: "Cần nhớ rằng, chỉ sau khi chóng cự dai dẳng, người ta mới chịu bị thiếu ăn nghiêm trọng thêm nhiều và thường thường thì sau khi đã chịu đủ mọi thứ thiếu thốn khác rồi người ta mới chịu thiếu thốn thức ăn... Ngay việc giữ gìn vệ sinh cũng rất tốn kém hay rất khó khăn và nếu như do tinh thần tự tôn mà người ta cố giữ vệ sinh, thì mỗi cố gắng như thế lại dẫn đến những đau khổ thêm vì đói". "Tình hình đó làm cho người ta có những ý nghĩ buồn rầu, nhất là nếu người ta nhớ rằng nạn nghèo khổ nói ở đây hoàn toàn không phải là sự trừng phạt đích đáng vì lười biếng; trong tất cả mọi trường hợp đó là nạn nghèo khổ của nhân dân lao động. Thật vậy, lao động nhờ đó mà công nhân nhận được số thức ăn nghèo nàn đó, trong phần lớn các trường hợp đều hết sức kéo dài".

Bản báo cáo đưa ra một sự thật kỳ lạ và rất bất ngờ là "trong tất cả các bộ phận của Vương quốc liên hiệp" - Anh, Oen-xơ, Xcốt-len và Ai-rơ-len - "thì chính ở Anh", bộ phận giàu nhất trong vương quốc, "dân cư nông nghiệp lại ăn uống tồi nhất"; nhưng ngay cả công nhân nông nghiệp Béc-cơ-sia, Ốc-xphốt-sia và

1* Trong bản tiếng Đức có thêm mấy chữ: "hết năm này sang năm khác".

Xô-mơ-xét-sia cũng ăn uống tốt hơn một số rất lớn những công nhân lành nghề của công nghiệp gia đình ở miền đông Luân Đôn.

Đó là những con số chính thức được công bố theo lệnh của nghị viện năm 1864, vào thời đại hoàng kim của chế độ tự do thương mại, vào đúng lúc mà bộ trưởng tài chính đã báo cáo cho Hạ nghị viện biết rằng:

"Trong tình cảnh của người công nhân trung bình ở Anh đã có sự cải thiện, mà ta phải thừa nhận là đặc biệt và chưa từng có trong lịch sử của tất cả mọi nước và mọi thời đại".

Trái ngược hẳn với lời ca tụng chính thức đó là sự nhận xét khô khan của bản báo cáo chính thức về sức khoẻ dân cư:

"Sức khoẻ công cộng của một nước có nghĩa là sức khoẻ của quần chúng nhân dân trong nước, vậy thì số quần chúng ấy chắc gì khoẻ được nếu như người ta không đảm bảo được chí ít là một phúc lợi nào đó cho đến cả những lớp người thấp nhất trong họ".

Bị loá mắt vì sự nhảy múa của những con số thống kê trong những bản báo cáo về sự tiến bộ của dân tộc, bộ trưởng tài chính trong lúc khoái trí một cách man rợ đã kêu lên rằng:

"Từ năm 1842 đến năm 1852, số thu nhập trong nước phải đóng thuế đã tăng 6%... trong 8 năm, từ năm 1853 đến năm 1861, số thu nhập đó đã tăng 20% nếu lấy mức thu nhập năm 1853 làm cơ sở! Sự thật kỳ lạ đến nỗi gần như không thể tin được!... Việc tăng thêm sự giàu có và thế lực một cách đáng kinh ngạc như thế", - ngài Glát-xtôn nói thêm - "chỉ hoàn toàn giới hạn trong các giai cấp có của mà thôi!"⁶.

Nếu các bạn muốn biết giai cấp công nhân đã và đang tạo ra "việc tăng thêm sự giàu có và thế lực một cách đáng kinh ngạc như thế chỉ hoàn toàn giới hạn trong các giai cấp có của" ấy trong những điều kiện như thế nào, những điều kiện làm mất sức khoẻ, bại hoại đạo đức và suy đồi trí tuệ, thì hãy xem đoạn miêu tả các nhà in và các xưởng máy khâu trong bản "Báo cáo về tình hình sức khoẻ của dân cư"⁷ gần đây! Hãy so sánh lời khẳng định trên đây với bản "Báo cáo của tiểu ban điều tra lao động của trẻ em" công bố năm 1863, trong đó có đoạn nói:

"Những thợ làm đồ gốm, đàn ông cũng như đàn bà, về mặt thể xác và trí tuệ là nhóm người bị thoái hoá nhiều nhất"; "những đứa bé ốm yếu đến lượt nó sẽ trở thành những người bố, người mẹ ốm yếu, tình hình nòi giống ngày càng tồi tệ đi là không thể tránh khỏi", "sự thoái hoá của dân cư Xtáp-phốt-sia sẽ còn lớn hơn nữa, nếu như không có một dòng dân cư thường xuyên từ các địa phương bên cạnh đến, và nếu như không có những sự hôn phối với những nhóm dân cư khoẻ hơn!"⁸.

Hãy xem cuốn Sách xanh của ông Tô-ri-men-hia về "Những lời khiêu nại của công nhân làm bánh mì"⁹. Và thử hỏi ai mà không rùng mình trước lời tuyên bố ngược đời của những viên thanh tra công xưởng, đã được những con số thống kê chính thức về sinh tử xác nhận, nói rằng sức khoẻ của công nhân Lan-kê-sia trên thực tế đã tốt hơn mặc dù họ chỉ nhận được một khẩu phần chết đói, bởi vì họ tạm thời ngừng việc ở các công xưởng bông vải sợi do nạn thiếu bông, rằng tỷ lệ trẻ em chết trong thời kỳ ấy đã giảm bớt, bởi vì rút cục những bà mẹ đã có thể nuôi con bằng sữa của mình, chứ không phải bằng hợp chất gốt-phri có chứa thuốc phiện!

Nhưng chúng ta hãy nhìn thẳng một lần nữa vào mặt chính của sự việc! Bản báo cáo về thuế đánh vào thu nhập và tài sản, trình bày tại Hạ nghị viện ngày 20 tháng Bảy 1864, cho chúng ta thấy rằng theo sự đánh giá của người thu thuế, số người có mức thu nhập hàng năm là 50 000 p.x.t. hay hơn thế nữa, đã tăng thêm 13 người từ ngày 5 tháng Tư 1862 đến ngày 5 tháng Tư 1863, nghĩa là trong một năm đó con số những người ấy đã tăng từ 67 người lên đến 80 người. Cũng qua bản báo cáo đó người ta thấy rằng gần 3 000 người hàng năm chia nhau một số thu nhập 25 000 000 p.x.t., nghĩa là một con số vượt quá tổng thu nhập hàng năm mà tất cả các công nhân nông nghiệp ở Anh và Oen-xơ nhận được. Hãy xem bảng thống kê dân số năm 1861, các bạn sẽ thấy rằng số người nam giới có ruộng ở Anh và Oen-xơ đã giảm từ 16 934 người năm 1851 xuống 15 066 người năm 1861; điều đó có nghĩa là mức tập trung ruộng đất trong 10 năm đã tăng 11%. Nếu như ở Anh, việc tập trung ruộng đất trong tay

một số ít người vẫn sẽ tiếp tục diễn ra với một tốc độ nhanh chóng như vậy thì vấn đề ruộng đất sẽ trở thành hết sức giản đơn, giống như tình hình ở đế chế La Mã trước kia, khi Nê-rôn cười gằn một cách thâm độc khi nghe nói rằng một nửa tỉnh châu Phi thuộc quyền sở hữu của 6 người.

Chúng ta đã nói rất tỉ mỉ tới những "sự thật kỳ lạ đến nỗi gần như không thể tin được" đó, vì rằng nước Anh đứng đầu châu Âu về mặt thương nghiệp và công nghiệp^{1*}. Chúng ta hãy nhớ rằng cách đây vài tháng, một trong những người con trai lưu vong của Lu-i - Phi-líp đã công khai mừng cho công nhân nông nghiệp Anh vì số phận của họ tựa hồ như khá hơn số phận của những người đồng chí kém sung sướng hơn của họ ở phía bên kia La-Măng-sơ. Thật vậy, trong những điều kiện địa phương hơi khác, và với một quy mô nhỏ hơn, thì cũng những sự thật giống như ở Anh đang lặp lại ở tất cả các nước công nghiệp và tiên tiến trên lục địa. Trong tất cả những nước ấy, từ năm 1848, công nghiệp đã phát triển chưa từng thấy, việc nhập khẩu và xuất khẩu được mở rộng một cách không ai ngờ tới. Trong tất cả những nước ấy, "việc tăng thêm sự giàu có và thế lực chỉ hoàn toàn giới hạn trong các giai cấp có của". Quả là "đáng kinh ngạc". Trong tất cả những nước ấy, cũng như ở Anh, tiền công thực tế^{2*}, đã tăng lên chút ít đối với thiểu số trong giai cấp công nhân; trong khi đó thì đối với đa số, việc tăng tiền công bằng tiền cũng rất ít có nghĩa là sự tăng lên thực tế của phúc lợi giống như cái sự kiện là đối với những người sống trong nhà tế bần hay trại mồ côi ở Luân Đôn chẳng hạn, giá những thực phẩm cần thiết để nuôi sống họ năm 1861 đã lên đến 9p.xt. 15s.^{3*} Spen-ni, so với 7p.xt. 7s. 4pen-ni năm 1852. Ở khắp mọi nơi, quần chúng đông

1* Trong bản tiếng Đức, có thêm một đoạn: "và trên thực tế thì đại diện cho châu này trên thị trường thế giới".

2* Trong bản tiếng Đức, có thêm một đoạn: "nghĩa là số lượng thức ăn có thể mua được bằng tiền công nhận được".

3* Từ đây si-linh viết tắt là s.

đảo trong giai cấp công nhân ngày càng tụt xuống thấp hơn, ít nhất là theo mức độ như mức độ các giai cấp trên họ tiến lên trên chiếc thang xã hội. Giờ đây, trong tất cả các nước châu Âu, bất cứ người nào không có thiên kiến cũng đều thấy rõ chân lý sau đây mà chỉ những người nào muốn ru ngủ những người khác bằng những hy vọng giả dối thì mới phủ nhận: không có một sự cải tiến máy móc nào^{1*}, không có một sự áp dụng khoa học nào vào sản xuất, hoặc một sự cải tiến nào về những phương tiện giao thông, không có những thuộc địa mới nào hoặc sự di dân nào, không có việc mở rộng thị trường nào hoặc sự buôn bán tự do nào, hoặc tất cả những cái ấy cộng lại, lại có thể xoá bỏ được tình cảnh nghèo khổ của quần chúng lao động; trên cơ sở tồi tệ hiện nay, bất kỳ sự phát triển hơn nữa nào của sức sản xuất của lao động cũng đều nhất định làm cho những sự tương phản trong xã hội sâu sắc hơn, đều nhất định khoét sâu thêm những đối kháng trong xã hội. Trong thời kỳ tiến bộ về kinh tế "đáng kinh ngạc" đó, nạn chết đói hầu như mang tính chất một thể chế xã hội ở thủ đô đế quốc Anh. Trong biên niên sử của thế giới, thời kỳ đó đã được đánh dấu bởi những sự lặp đi lặp lại thường xuyên hơn, với những quy mô ngày càng rộng lớn hơn và với những kết quả ngày càng tai hại hơn của cái bệnh dịch xã hội mà người ta gọi là khủng hoảng công nghiệp và thương nghiệp.

Sau khi cuộc Cách mạng năm 1848 bị thất bại, tất cả các tổ chức đảng và các cơ quan báo chí đảng của giai cấp công nhân trên lục địa đều bị tiêu diệt bằng bạo lực thô bạo; những người con tiên tiến nhất của giai cấp công nhân trong cơn tuyệt vọng đã chạy trốn sang nước cộng hoà ở bên kia Đại Tây Dương, và những giấc mơ ngán ngủ về sự giải phóng đã tiêu tan trước thời kỳ lên cơn sốt công nghiệp, bại hoại về đạo đức và phản động về chính trị. Sự thất bại của giai cấp công nhân trên lục địa, một phần do chính sách ngoại giao của Chính phủ Anh gây ra, -

1* Trong bản tiếng Đức có thêm mấy chữ: "không một phát kiến nào về hoá học".

chính phủ này, khi ấy cũng như hiện nay, đã liên minh hữu nghị với Chính phủ Xanh-Pê-téc-bua, - chẳng bao lâu đã mở rộng tác dụng truyền nhiễm của nó sang cả bên kia biển La-Măng-sơ. Sự thất bại của những người anh em cùng giai cấp trên lục địa đã làm cho giai cấp công nhân Anh buồn nản và mất tin tưởng vào sự nghiệp của chính mình, đồng thời đã làm cho những tên trùm ruộng đất và tài chính lấy lại lòng tự tin đã ít nhiều bị lung lay. Chúng đã ngang ngược rút lại những nhượng bộ đã được tuyên bố trước kia. Việc phát hiện những nơi có mỏ vàng mới gây ra một luồng di cư lớn, mà hậu quả là giai cấp vô sản Anh bị những tổn thất không thể bù đắp được. Một số đại biểu khác của giai cấp vô sản Anh, trước kia tỏ ra tích cực nay bị quyến rũ bởi số lượng công việc và tiền công tạm thời tăng lên đã biến thành những "kẻ phá bãi công về mặt chính trị". Tất cả những mưu toan nhằm giữ vững hay cải tổ phong trào Hiến chương đều đã hoàn toàn bị thất bại; các cơ quan báo chí của giai cấp công nhân lần lượt bị đình bản vì thái độ thờ ơ của quần chúng; thật vậy, trước kia hình như không bao giờ giai cấp công nhân Anh lại chịu nhận một địa vị chính trị nhỏ mọn như vậy. Nếu trước kia giữa giai cấp công nhân Anh và giai cấp công nhân trên lục địa không có sự đoàn kết trong hành động, thì giờ đây đâu sao người ta cũng thấy có sự đoàn kết trong thất bại.

Nhưng tuy vậy, thời kỳ từ những cuộc cách mạng năm 1848 đến nay cũng có những mặt tích cực. Ở đây chúng ta chỉ nêu hai sự việc lớn:

Sau cuộc đấu tranh ba mươi năm mà giai cấp công nhân Anh đã tiến hành với một tinh thần bền bỉ đáng kinh ngạc, giai cấp đó đã lợi dụng sự chia rẽ tạm thời giữa giai cấp quý tộc ruộng đất và giai cấp quý tộc tiền tệ, để giành được dự luật ngày làm 10 giờ¹⁰. Nhưng hậu quả hết sức tốt về mặt thể lực, đạo đức và trí lực, mà đạo luật đó đem lại cho các công nhân công xưởng, cứ nửa năm một lại được nêu lên trong bản báo cáo của các viên thanh tra công xưởng, thì bây giờ đã được mọi người thừa nhận.

Phần lớn các chính phủ châu Âu đã phải tiếp nhận đạo luật công xưởng của Anh, dưới một hình thức có ít nhiều sửa đổi, và bản thân nghị viện Anh hàng năm cũng bắt buộc phải mở rộng phạm vi hiệu lực của đạo luật đó. Nhưng ngoài ý nghĩa thực tiễn của nó ra, biện pháp đó đối với công nhân còn có một điều khác nữa giúp cho nó thành công đặc biệt lớn. Thông qua những nhà bác học nổi tiếng nhất của mình, như tiến sĩ I-u-rơ, giáo sư Xê-ni-o và những nhà thông thái khác cùng loại như thế, giai cấp tư sản đã đoán trước và đã nhai đi nhai lại mãi rằng bất cứ một sự hạn chế thời gian lao động nào bằng pháp luật, cũng phải là tiếng kèn đám ma đối với nền công nghiệp Anh, một nền công nghiệp giống như con quỷ hút máu, chỉ có thể tồn tại bằng cách hút máu, hơn nữa là hút cả máu trẻ em. Ngày xưa, việc giết trẻ em là một lễ nghi huyền bí của đạo thờ thần Mô-lô-sơ, nhưng việc giết hại đó chỉ thực hiện trong một số trường hợp rất trọng thể, có lẽ mỗi năm không quá một lần; hơn nữa thần Mô-lô-sơ cũng không tỏ ra đặc biệt thích thú những con em của người nghèo. Cuộc đấu tranh xung quanh việc hạn chế thời gian lao động bằng pháp luật lại càng được tiến hành mạnh mẽ hơn, bởi vì nếu không nói đến sự hoảng sợ của những kẻ thêm khát lợi nhuận thì đây là vấn đề tranh cãi lớn giữa một bên là sự thống trị mù quáng của quy luật cung cầu cấu thành khoa kinh tế chính trị của giai cấp tư sản, và một bên là việc kiểm soát nền sản xuất xã hội thông qua sự dự kiến của xã hội, cấu thành khoa kinh tế chính trị của giai cấp công nhân. Vì vậy, dự luật ngày làm 10 giờ không những là một thành công quan trọng thực tiễn, mà còn là thắng lợi của nguyên tắc; lần đầu tiên, khoa kinh tế chính trị của giai cấp tư sản đã công khai đầu hàng khoa kinh tế chính trị của giai cấp công nhân.

Nhưng còn một chiến thắng lớn hơn nữa của khoa kinh tế chính

trị của lao động đối với khoa kinh tế chính trị của sở hữu^{1*}. Chúng ta nói đến phong trào hợp tác, nhất là đến những công xưởng hợp tác do một số ít "bàn tay" dũng cảm đã tự lực lập nên. Không thể nào đánh giá hết được ý nghĩa của những thực nghiệm xã hội vĩ đại ấy. Không phải bằng lời nói mà bằng việc làm, người công nhân đã chứng minh rằng nên sản xuất với quy mô lớn và được tiến hành phù hợp với những yêu cầu của khoa học hiện đại, có thể thực hiện được mà không cần đến giai cấp những người chủ sử dụng lao động của giai cấp công nhân làm thuê; họ đã chứng minh rằng muốn sản xuất có kết quả thì công cụ lao động hoàn toàn không thể để cho bị độc chiếm làm công cụ thống trị và cướp bóc công nhân, rằng giống như lao động của nô lệ và của nông nô, lao động làm thuê chỉ là một hình thức^{2*} nhất thời và thấp, cần phải nhường chỗ cho lao động liên hợp, tiến hành một cách tự nguyện, vui vẻ và phấn khởi. Ở Anh, những hạt giống của chế độ hợp tác đã được Rô-bốt Ô-oen gieo; những thực nghiệm, được công nhân tiến hành trên lục địa, về thực chất là một kết luận thực tiễn rút ra từ những lý luận không do ai phát minh ra cả, nhưng đã được lớn tiếng tuyên bố năm 1848.

Cũng vào thời gian ấy, kinh nghiệm của thời kỳ những năm 1848 - 1864 đã chứng minh một cách chắc chắn^{3*} rằng dù có hơn hẳn về nguyên tắc và có lợi trên thực tiễn đến như thế nào chăng nữa, thì lao động hợp tác cũng không bao giờ có thể ngăn chặn được sự phát triển theo cấp số nhân của bọn độc quyền, cũng không thể giải phóng được quần chúng, và thậm chí không thể giảm nhẹ được một cách rõ rệt gánh nặng nghèo khổ của họ, chừng nào lao động hợp tác đó không vượt ra khỏi phạm vi chật hẹp của những sự cố gắng ngẫu nhiên của những công nhân riêng lẻ. Có lẽ chính vì vậy mà những nhà quý tộc có thiện chí, những nhà

1* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "khoa kinh tế chính trị của sở hữu" là những chữ "khoa kinh tế chính trị của tư bản".

2* Trong bản tiếng Đức có thêm hai chữ "xã hội".

3* Trong bản tiếng Đức có thêm một đoạn "cái luận điểm mà ngay trong những năm 1851 - 1852 các lãnh tụ nổi tiếng nhất của giai cấp công nhân đã nói về phong trào hợp tác ở Anh".

từ thiện ba hoa của giai cấp tư sản và ngay cả những nhà kinh tế học khôn ngoan nữa, - tất cả những kẻ ấy đột nhiên đồng thanh ca tụng đến lợm giọng chính cái chế độ lao động hợp tác mà chúng đã mưu toan bóp chết ngay từ trong trứng, mà chúng chế giễu là sự không tưởng của những kẻ mơ mộng, hay lên án là một tà thuyết của những người xã hội chủ nghĩa. Muốn giải phóng được quần chúng lao động thì lao động hợp tác cần phải được phát triển trên quy mô cả nước và do đó bằng những phương tiện của toàn thể quốc gia. Nhưng những tên trùm ruộng đất và trùm tư bản bao giờ cũng sẽ lợi dụng những đặc quyền chính trị của mình để bảo vệ và duy trì mãi mãi độc quyền kinh tế của chúng. Không những chúng sẽ không giúp cho sự nghiệp giải phóng lao động mà trái lại, chúng còn luôn luôn dựng lên đủ mọi thứ chướng ngại trên con đường đi của sự nghiệp đó. Xin hãy nhớ là trong phiên họp gần đây của nghị viện Huân tước Pan-móc-xơn đã nhạo báng đến mức nào khi ông ta ném vào mặt những người bảo vệ bản dự luật về quyền của tá điền Ai-rơ-len câu nói sau đây: Hạ nghị viện là nghị viện của các chủ ruộng!¹¹

Vì vậy, việc giành chính quyền trở thành một nghĩa vụ vĩ đại của giai cấp công nhân. Hình như công nhân đã hiểu được điều đó, bởi vì ở Anh, Đức, I-ta-li-a và Pháp, phong trào đã đồng thời bắt đầu sôi nổi trở lại và đồng thời đã có những bước cải tổ đảng công nhân về mặt chính trị.

Công nhân đã có một trong những yếu tố thành công là số lượng. Nhưng số lượng chỉ giải quyết được vấn đề khi quần chúng được tổ chức lại và được sự hiểu biết chỉ đạo. Kinh nghiệm của quá khứ chứng tỏ rằng thái độ coi thường sự liên minh anh em, - sự liên minh phải có giữa công nhân các nước khác và phải thúc đẩy họ kể vai sát cánh trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, - sẽ bị trừng phạt bằng cách bắt những cố gắng phân tán của họ phải chịu sự thất bại chung. Ý thức đó đã thúc đẩy những công nhân các nước khác nhau, họp nhau lại trong cuộc mít-tinh công khai ở hội trường Xanh-Mác-tin, Luân Đôn, ngày 28 tháng Chín 1864, thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế.